

LIÊN KẾT ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC 7 TỈNH DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG: HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. Nguyễn Đình Hiền

Trường Đại học Quy Nhơn

Trong những năm gần đây 7 tỉnh, thành duyên hải miền Trung (DHMT) gồm Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa (sau đây gọi là Vùng) đã chủ động liên kết để cùng nhau phát triển về mọi mặt. Các địa phương của Vùng đã thành lập Ban điều phối, Quỹ hoạt động, Tổ tư vấn và cam kết nội dung hoạt động vì sự phát triển của Vùng. Thực tế cho thấy, để Vùng phát triển cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó giải pháp liên kết đào tạo nguồn nhân lực cho Vùng đóng vai trò quan trọng và cấp bách. Bài viết này tập trung làm rõ cơ sở về liên kết kinh tế, tiềm năng, thế mạnh của Vùng, đồng thời đánh giá thực trạng và đưa ra quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp để liên kết đào tạo nguồn nhân lực cho Vùng trong những năm trước mắt và tầm nhìn đến năm 2020.

Từ khóa: Liên kết kinh tế; Nguồn nhân lực; Kinh tế vùng DHMT; Đào tạo nhân lực

1. Về liên kết đào tạo nguồn nhân lực 7 tỉnh Duyên hải miền Trung

Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất thì sự phân công và hợp tác trong sản xuất kinh doanh cũng phát triển cao dẫn đến sự liên kết kinh tế giữa các chủ thể ngày càng được mở rộng, đa dạng và trở thành xu thế khách quan. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, liên kết kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu tạo nên sự thành công đối với các quốc gia, địa phương và doanh nghiệp.

Liên kết kinh tế diễn ra ở hai góc độ. Ở tầm vĩ mô, liên kết kinh tế thể hiện thông qua việc thiết lập các liên minh kinh tế giữa các quốc gia, địa phương hoặc vùng lãnh thổ để hình thành nên các định chế khu vực ở các mức độ khác nhau, nhờ đó xác lập được các không gian kinh tế rộng lớn, an toàn hơn cho hoạt động kinh tế của các đối tác tham gia. Liên kết ở tầm vĩ mô có mối quan hệ chặt chẽ, là tiền đề cho liên kết doanh nghiệp, liên kết ở tầm vi mô. Ở tầm vi mô, liên kết được thực hiện thông qua sự thiết lập các mối quan hệ hợp tác làm ăn giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế. Đối tượng liên kết bao gồm liên kết về vốn, công nghệ, nhân lực, thị trường, ... nhằm tiết kiệm chi phí, thời

gian, nguồn lực, ... để đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Theo các nhà nghiên cứu, dù là hình thức nào, liên kết kinh tế cũng có vai trò quan trọng thể hiện ở các mặt sau: Tiết kiệm các nguồn lực nhờ giảm được chi phí cạnh tranh; tăng quy mô hoạt động theo hướng đạt quy mô hiệu quả nhờ hợp tác và phân công lao động phát triển; tăng khả năng linh hoạt và sức cạnh tranh chung nhờ phối hợp sử dụng được những ưu thế của mỗi bên liên kết; giảm thiểu các rủi ro nhờ cơ chế chia sẻ trách nhiệm giữa các bên tham gia. Tuy nhiên, bên cạnh lợi ích nêu trên vẫn tồn tại một số hạn chế cần phải có cơ chế kiểm soát để khắc phục như: Có thể tạo ra sự độc quyền, cản trở cạnh tranh; nếu phát triển không bền vững, dễ dẫn đến nguy cơ sụp đổ dây chuyền khi có một thành viên tham gia liên kết gặp khó khăn, khủng hoảng, phá sản, ...

Qua phân tích trên, có thể khẳng định: Liên kết kinh tế là sự thiết lập các mối quan hệ giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh có thể giữa các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực hoạt động và hoạt động có tính chất bổ sung hay giữa các đối tác cạnh tranh trên các lĩnh vực: lao động, vốn, công nghệ, thị

trường, chính sách, cơ chế... nhằm tiết kiệm nguồn nhân lực, thời gian, giảm chi phí để đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Đối với khu vực Duyên hải miền Trung, việc tổ chức liên kết kinh tế để phát triển của 7 tỉnh, thành: Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa là một trong những vấn đề đặc biệt quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung hiện nay. Trong nhiều năm qua, chính quyền các địa phương nêu trên đã có những nỗ lực mạnh mẽ, chủ động khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, xã hội để thu hút đầu tư, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương nhằm đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, quá trình phát triển vừa qua cho thấy nếu chỉ dựa vào “lợi thế tĩnh” về điều kiện tự nhiên - xã hội của mỗi địa phương có được để thực hiện chính sách ưu đãi kêu gọi đầu tư, mà thiếu sự liên kết để tạo ra “lợi thế động” nhằm tối ưu hóa các nguồn lực có hạn ở các địa phương, thì khó đẩy mạnh và nâng cao sức cạnh tranh của toàn Vùng. Trên cơ sở nhận thức này, 7 tỉnh, thành phố Duyên hải miền Trung đã thống nhất về sự cần thiết xây dựng các cơ chế, chính sách thực hiện liên kết phát triển chung của toàn Vùng theo hướng phát triển nhanh và bền vững.

Hội nghị khoa học “*Liên kết phát triển 7 tỉnh Duyên hải miền Trung*” năm 2011 đã đánh giá về hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của Vùng, đồng thời xác định vị trí, vai trò của Vùng đối với nền kinh tế Việt Nam trong quá trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, cũng như phân tích các thế mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức của Vùng trong thời gian tới. Gần đây, các địa phương đã xúc tiến thành lập Tổ điều phối Vùng, Quỹ hoạt động và Nhóm tư vấn liên kết phát triển Vùng. Đặc biệt, đã xác định mục tiêu, nội dung liên kết kinh tế Vùng là nhằm khai thác và phát huy các tiềm năng thế mạnh của từng địa phương và toàn vùng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; phát triển mạnh các ngành công nghiệp và dịch vụ, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng lớn, có tầm cỡ khu vực và quốc tế; ưu tiên phát triển kinh tế biển như: hạ tầng cảng biển, dịch vụ hàng hải, phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ, chế biến và xuất khẩu thủy hải sản... góp phần tạo việc làm, nâng cao mức sống và trình độ dân trí cho

các tầng lớp dân cư.

Trên cơ sở đặc thù của Vùng, thực tiễn phát triển và yêu cầu cấp thiết của liên kết, việc thực hiện liên kết kinh tế được tiến hành với các nội dung sau: Cùng nghiên cứu để phân bổ lại lực lượng sản xuất, điều chỉnh quy hoạch phát triển phù hợp với thế mạnh của từng địa phương; xây dựng đồng bộ hạ tầng giao thông liên tỉnh và quốc tế, nhất là hạ tầng giao thông đường bộ; thiết lập không gian kinh tế Vùng thống nhất; mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; hợp tác trong việc huy động vốn đầu tư và xây dựng cơ chế, chính sách để đầu tư và phát triển chung của Vùng; phối hợp và xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và trong phát triển, quảng bá văn hóa toàn Vùng; cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của Vùng; xây dựng hệ thống thông tin và trao đổi thông tin kinh tế - xã hội đầu tư trên địa bàn; hợp tác bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu trong bảo vệ của chủ quyền biển đảo.

Như vậy, các địa phương trong vùng đã xác định nội dung cần phải liên kết để phát triển, các nội dung này mang tính toàn diện phù hợp với đường lối phát triển chung của đất nước và phù hợp với đặc thù của Vùng. Trong các nội dung nêu trên, liên kết phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng: nó không chỉ là khâu đột phá chiến lược chung của đất nước mà còn cả đối với vùng Duyên hải miền Trung. Do đó, việc đánh giá hiện trạng và đưa ra định hướng, giải pháp liên kết phát triển nguồn nhân lực của Vùng là việc làm có ý nghĩa quan trọng và cấp bách hiện nay.

2. Hiện trạng liên kết đào tạo nguồn nhân lực 7 tỉnh Duyên hải miền Trung

Hiện nay, toàn Vùng có diện tích tự nhiên là 38.236,4km², chiếm 11,54% diện tích cả nước, dân số hơn 8.186,8 nghìn người, chiếm 9,42% dân số toàn quốc. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Vùng là 60.590,42 tỷ đồng, chiếm 10,98% GDP cả nước. GDP bình quân đầu người là 21,59 triệu đồng thấp hơn so với bình quân cả nước (22,78 triệu, đồng). Hầu hết các tỉnh, thành trong Vùng có tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trên 10%/ năm cao hơn mức bình quân cả nước 7,26%. Đặc biệt về dân số, tốc độ tăng bình quân là 0,49%, hiện có 5.837,7 nghìn người trong độ tuổi từ 15 trở lên, chiếm 71,3% dân số toàn Vùng. Đây là một thuận lợi để

Bảng 1: Tình hình nguồn nhân lực 7 tỉnh DHMT năm 2010

	Thừa Thiên - Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	Phú Yên	Khánh Hòa	Toàn vùng
Dân số(1000 người)	1.090,879	926,018	1.425,395	1.218,621	1.489,700	868,514	1.167,744	8.186,871
LLLĐ từ 15 tuổi trở lên	580.100	467.000	814.008	714.700	861.100	505.200	639.500	4.581.600
LLLĐ đang làm việc	557.189	436.400	812.196	705.679	832.600	486.690	580.500	4.411.254
LĐ chưa qua đào tạo (%)	55,10	31,16	60,00	61,87	64,00	62,00	49,9	56,48
CNKT & ĐT nghề (%)	33,73	45,19	30,00	27,80	29,29	26,00	36,46	31,92
Trung cấp CN (%)	3,30	5,62	4,33	2,02	1,47	3,30	4,75	3,35
Cao đẳng (%)	1,75	18,03	5,67	4,28	2,18	2,90	2,49	8,25
Đại học (%)	5,70			1,75	2,95	5,80	6,10	
Trên ĐH (%)	0,37			2,14	0,11	0,10	0,27	

(Nguồn: Liên kết kinh tế các tỉnh DHMT, Nxb Đà Nẵng, 2012 và Số liệu Niên giám thống kê)

phát triển nguồn nhân lực, nhưng cơ cấu dân số trẻ cũng gây khó khăn về giải quyết việc làm, giáo dục đào tạo, dạy nghề.

Về lực lượng lao động của Vùng, năm 2010 có 4.581,6 nghìn người từ 15 tuổi trở lên, chiếm 9,09% cả nước, trong đó số đang làm việc là 4.411,2 nghìn người. Lực lượng sản xuất trực tiếp của Vùng có tay nghề thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là những ngành đòi hỏi có trình độ chuyên môn cao. Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo của các địa phương trong Vùng lớn, bình quân 56,48%. Phần lớn lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, chiếm 49,31% (cả nước là 48,71%), số làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ thấp. Năng suất lao động xã hội của Vùng năm 2010 tương đương cả nước đạt 40,4 triệu đồng/người. Tuy nhiên, chênh lệch giữa các tỉnh, thành trong vùng là rất lớn, địa phương cao nhất là Đà Nẵng, 66,23 triệu đồng/năm; thấp nhất là Phú Yên, 28,27 triệu đồng/năm. Điều này cho thấy các địa phương trong Vùng chưa huy

động và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động, trong đó có nguyên nhân tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp. Nói cách khác, tuy nguồn lao động dồi dào nhưng phần lớn chưa được đào tạo chuyên môn kỹ thuật, nên năng suất lao động còn thấp chưa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Vùng.

Như vậy, đào tạo nguồn nhân lực cho Vùng là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của các địa phương trong giai đoạn hiện nay, nhất là thời kỳ đẩy mạnh tái cấu trúc lại nền kinh tế. Trong đó, liên kết đào tạo là một giải pháp quan trọng và cấp bách. Hiện tại, hệ thống đào tạo nguồn nhân lực của Vùng có khả năng vươn lên đáp ứng yêu cầu đó.

Bảng 2 cho thấy toàn Vùng có 84 cơ sở đào tạo, trong đó đại học có 27 trường, cao đẳng có 36 trường và trung cấp chuyên nghiệp có 21 trường với 9.381 giáo viên đại học, cao đẳng và 1.260 giáo viên trung cấp chuyên nghiệp đào tạo tương ứng 261.232 sinh viên và 77.769 học sinh. Khối dạy nghề có 242 cơ sở, trong đó cao đẳng nghề có 16 trường, trung

Bảng 2: Số lượng cơ sở đào tạo và dạy nghề 7 tỉnh DHMT năm 2010

Cơ sở đào tạo và dạy nghề	Thừa Thiên - Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	Phú Yên	Khánh Hòa	Toàn vùng
Đại học	9	8	2	2	2	2	2	27
Cao đẳng	6	14	6	1	2	2	5	36
Số GV, ĐH, CĐ	2.280	3.710	818	377	899	411	886	9.381
Số SV ĐH, CĐ	63.273	106.918	15.043	6.510	28.198	7.393	33.897	261.232
TCCN	5	7	2	2	2	-	3	21
Số GV TCCN	277	433	155	48	103	113	111	1.240
Số HS TCCN	9.184	32.565	11.498	4.914	3.165	6.379	10.064	77.769
Cao đẳng nghề	2	4	1	2	2	1	4	16
Trung cấp nghề	4	8	5	2	3	1	7	30
T tâm dạy nghề	10	16	18	22	10	9	7	92
Cơ sở khác có dạy nghề	-	24	18	6	13	9	34	104

(Nguồn: Liên kết kinh tế các tỉnh DHMT, Nxb Đà Nẵng, 2012 và Số liệu Niên giám thống kê)

cấp nghề có 30 trường, trung tâm dạy nghề có 92 cơ sở và 104 cơ sở khác có tham gia dạy nghề với hàng ngàn giáo viên, nghệ nhân tham gia giảng dạy, đào tạo cho hàng trăm ngàn học viên. So với cả nước, số lượng cơ sở đào tạo của Vùng tương đối cao, chỉ sau các Vùng đồng bằng Sông Hồng và Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, các cơ sở đào tạo và dạy nghề lại phân bố không đều trên một diện rộng, kéo dài từ Thừa Thiên - Huế đến Khánh Hòa với chiều dài hơn 1100km (chiếm 1/3 của cả nước) và mật độ cao chủ yếu tập trung ở 2 đại học Vùng là Đại học Huế và Đại học Đà Nẵng nằm gần nhau ở cực Bắc của Vùng (chỉ cách nhau 100 km). Ở đây, số trường đại học, cao đẳng chiếm 37/63 (58,73%), số giảng viên chiếm 5.990/9.381 người (63,85%), số sinh viên chiếm 170.191/261.232 người (65,14%), số trường trung cấp chuyên nghiệp chiếm 12/21 (57,14%), số giáo viên và học sinh tương ứng 7100/1.240 giáo viên (57,26%); 41.749/77.796 học sinh (53,68%), số cơ sở đào tạo nghề chiếm 44/138 cơ sở (31,88%). Trong khi đó, số dân 2 địa phương này là 2/8,2 triệu người chiếm 24,39% của Vùng.

Sự phân bố không đồng đều này đặt ra bài toán là phải thực hiện hợp tác, liên kết trong đào tạo nguồn

nhân lực của Vùng. Nhận thức vấn đề này trong những năm qua các địa phương đã có kế hoạch hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương mình. Tuy mới chỉ là bước đầu và chưa hình thành tổ chức liên kết Vùng để điều phối như hiện nay nhưng đã đạt được một số kết quả nhất định:

Kết quả điều tra cho thấy, đối với các cơ sở đào tạo, các nhóm, ngành phổ biến được nhiều trường đào tạo là: Với khối ngành kỹ thuật có nhóm ngành công nghệ thông tin (có 56,1% số trường tham gia khảo sát có đào tạo), xây dựng (34,1%), điện, điện tử (39%), kiến trúc - mỹ thuật (22%), công nghệ sinh học (19,5%), cơ khí (19,5%), hóa dầu - năng lượng (17,1%); khối tài chính ngân hàng (46,3%), du lịch, khách sạn (84,1%), các ngành có tỷ lệ thấp là sư phạm cử nhân, nông nghiệp... còn đối với cơ sở dạy nghề thì các nhóm ngành trên cũng có nhiều cơ sở lựa chọn đào tạo nhiều nhất là điện, điện tử, điện lạnh (46,9%), công nghệ thông tin (26,9%)...

Cùng với phát triển các ngành nghề dựa vào nhu cầu và khả năng, để đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu xã hội, các cơ sở trong Vùng đã thực hiện liên kết đào tạo. Theo số liệu thống kê, hiện có 90,2% số cơ sở đào tạo điều tra trong Vùng có liên kết đào tạo với

các cơ sở đào tạo khác. Còn đối với cơ sở dạy nghề con số này là 62,5%. Loại hình cơ sở đào tạo được các trường chọn liên kết nhiều nhất là trường đại học, chiếm 82,9%, tiếp đến là trường cao đẳng, chiếm 15,5%, còn cơ sở dạy nghề là 40%. Hình thức liên kết chủ yếu là mở lớp hoặc ngành mới ở các cơ sở đào tạo hay liên thông lên bậc học cao hơn. Ngoài ra, các cơ sở dạy nghề cũng thường liên kết với các trung tâm, tổ chức phi chính phủ để bồi dưỡng nghề ngắn hạn hoặc đào tạo sơ cấp nghề.

Một đặc điểm nổi bật khác là, mặc dù các địa phương trong Vùng đều có trường đại học, cao đẳng nhưng các cơ sở đào tạo này ít liên kết với nhau, kể cả những nơi tập trung nhiều trường đại học lớn như Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng. Chỉ có 12,2% cơ sở đào tạo điều tra chọn các trường trong cùng tỉnh để liên kết, con số này đối với trong Vùng là 19,5%, ngoài vùng (mà chủ yếu là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) là 65,9%, đối với nước ngoài là 22%. Như vậy, các cơ sở đào tạo chủ yếu liên kết đào tạo ngoài vùng nơi cách xa về mặt địa lý sẽ gặp nhiều khó khăn trong tổ chức thực hiện đào tạo và chi phí cao gây bất lợi cho người học cũng như cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, khác với cơ sở đào tạo, các cơ sở dạy nghề trong Vùng lại có xu hướng chọn liên kết nhiều hơn với các trường trong tỉnh (45%) và trong Vùng (35%) điều này hoàn toàn phù hợp với người lao động đang sống và làm việc ở khu vực nông nghiệp, nông thôn hay ở các khu công nghiệp.

Đặc biệt, có sự liên kết đào tạo giữa cơ sở đào tạo, dạy nghề với các đơn vị sử dụng lao động như: khu công nghiệp, khu kinh tế, các doanh nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy mật tích cực trong hoạt

động này, hiện nay có 34,6% cơ sở đào tạo liên kết với các doanh nghiệp trong tỉnh và 46,5% liên kết với các doanh nghiệp trong vùng. Con số tương ứng đối với cơ sở dạy nghề là 50% và 18,2%, chỉ 18,2% liên kết trong cả nước.

3. Định hướng và giải pháp liên kết đào tạo nguồn nhân lực 7 tỉnh Duyên hải miền Trung

Hiện trạng liên kết đào tạo của Vùng nêu trên cho thấy đã có những đóng góp tích cực vào phát triển nguồn nhân lực. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém chưa khai thác hết tiềm năng, thế mạnh của Vùng. Để phát huy những ưu điểm, đồng thời khắc phục những hạn chế trong liên kết đào tạo nguồn nhân lực của Vùng, các địa phương cần xác định mục tiêu, phương hướng và giải pháp phù hợp với đặc thù của Vùng và của đất nước, nhất là trong bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế hiện nay.

Quan điểm, mục tiêu liên kết đào tạo của Vùng cần phải dựa trên cơ sở dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực và quy mô phát triển của các cơ sở đào tạo cho nhiều năm tiếp theo.

Theo số liệu dự báo, về nhu cầu nguồn nhân lực của Vùng vào năm 2015 cần 567.000 lao động có trình độ cao đẳng trở lên đến năm 2020 con số đó là 863.000 lao động. Như vậy, bình quân mỗi năm cần đào tạo thêm 32.000 lao động trình độ cao đẳng trở lên giai đoạn 2011 - 2015, con số này giai đoạn 2015 - 2020 là 60.000 lao động/năm. Đến năm 2020, nước ta sẽ đạt khoảng 400 sinh viên/1 vạn dân. Toàn Vùng hiện có 63 trường đại học, cao đẳng với quy mô đào tạo 198.000 sinh viên, dự kiến đến năm 2020 là 416.000 sinh viên với 82 cơ sở đào tạo đại

Bảng 3: Dự báo nhu cầu nhân lực và cơ sở đào tạo 7 tỉnh DHMT

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
1	Dân số	Triệu người	8,2	8,8	9,6
2	Nguồn nhân lực trình độ cao đẳng trở lên	Nghìn người	409	567	863
3	Quy mô sinh viên trong vùng	Nghìn người	198	268	416
4	Số sinh viên/1 vạn dân	Người	223	285	400
5	Tổng số giảng viên	Người	7.339	9.101	12.412
6	Tổng trường ĐH, CĐ	Trường	63	71	82

(Nguồn: Liên kết kinh tế các tỉnh DHMT, Nxb Đà Nẵng, 2012 và Số liệu Niên giám thống kê)

học, cao đẳng. Với thực trạng liên kết đào tạo và dự báo nêu trên có thể khẳng định rằng các địa phương trong Vùng đang có nhu cầu nguồn nhân lực lớn. Trong khi đó, các cơ sở đào tạo, dạy nghề tăng quy mô nhưng còn chậm, phân bố không đều và thế mạnh của mỗi trường ở các địa phương khác nhau do đó đòi hỏi phải đẩy mạnh liên kết đào tạo một cách có định hướng và mạnh mẽ hơn nữa theo các quan điểm, mục tiêu sau:

Liên kết đào tạo nguồn nhân lực Vùng DHMT là nhu cầu khách quan, xuất phát từ lợi ích của địa phương nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; liên kết và đào tạo được thực hiện thông qua nhiều hình thức phong phú, đa dạng và phù hợp với đặc điểm tình hình chung của Vùng. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng và sử dụng có hiệu quả để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng; tăng cường liên kết đào tạo giữa các cơ sở đào tạo, dạy nghề với các đơn vị sử dụng lao động để tăng quy mô, mở rộng ngành nghề, nhất là các ngành nghề mới phù hợp với xu hướng hội nhập thế giới, đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo theo nhu cầu thiết thực của các doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế gắn với các ngành nghề quan trọng của Vùng.

Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội, trong giai đoạn 2011 - 2020 vùng DHMT sẽ trở thành khu vực phát triển năng động có tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững. Do đó, trong liên kết đào tạo nguồn nhân lực cho Vùng cần tập trung nâng cao số lượng và chất lượng của các ngành và lĩnh vực mũi nhọn, chủ lực của Vùng với các định hướng như sau: Trước hết là liên kết đào tạo các cơ sở đào tạo trong Vùng, cần tập trung phát triển các ngành nghề và đào tạo theo hướng đa ngành, đa cấp, liên thông những ngành mà Vùng có nhu cầu cao; phát triển các chương trình đào tạo tiên tiến trên cơ sở các ngành mũi nhọn là thế mạnh của các cơ sở đào tạo; liên kết giữa các trường đại học, cao đẳng với nhau, đặc biệt là với các đại học Vùng về trao đổi kinh nghiệm quản lý và đào tạo thông qua hội nghị, hội thảo, về trao đổi giáo viên, xây dựng chương trình, giáo trình...; liên kết giữa các cơ sở dạy nghề trong Vùng, cần liên kết giữa các cơ sở dạy nghề theo hướng mở rộng quy mô, đa dạng hóa các hình thức dạy nghề cũng như nâng cao trình độ giáo viên; liên

kết giữa cơ sở đào tạo, dạy nghề với các đơn vị sử dụng lao động, cần liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo, dạy nghề để đào tạo theo sát nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động thông qua các cam kết, hợp đồng cụ thể; tạo cơ chế để các doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào quá trình đào tạo như: trực tiếp đào tạo sinh viên thông qua các chương trình, dự án, thực tập, thực tế, xây dựng chương trình, giáo trình...; các đơn vị sử dụng lao động tài trợ cho các cơ sở đào tạo, dạy nghề hoạt động nghiên cứu ứng dụng, triển khai thí điểm về sử dụng lao động từ đó đưa ra kinh nghiệm, mô hình để nhân rộng trong thực tế. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo còn thực hiện liên kết quốc tế để đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu mới của nền kinh tế...

Trên cơ sở các định hướng đã đưa ra, muốn liên kết đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu của Vùng cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, Nhà nước cần quy hoạch và đầu tư cho hệ thống cơ sở đào tạo, dạy nghề và các ngành nghề của Vùng, trong đó cần chú trọng phân bố hợp lý các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề ở các địa phương. Bên cạnh phát triển Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, đầu tư phát triển thêm hai đại học trọng điểm Vùng là Đại học Quy Nhơn và Đại học Nha Trang. Tăng cường đầu tư để Đại học Huế ngang tầm đại học quốc gia, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học làm đầu tàu trong vai trò liên kết với các cơ sở đào tạo trong Vùng. Có cơ chế liên thông đào tạo giữa 4 trường đại học nêu trên và cơ chế hỗ trợ cho các trường đại học cao đẳng khác trong Vùng. Quy hoạch hệ thống cơ sở đào tạo phải gắn với quy hoạch đào tạo ngành nghề trong vùng theo hướng đáp ứng nguồn nhân lực cho các lĩnh vực mũi nhọn, chủ lực của Vùng về công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, y tế, kiến trúc - xây dựng... đặc biệt là những ngành mới mà khu vực còn yếu như: công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ phần mềm, dịch vụ logistics... Trong đó, do đặc thù của Vùng với chiều dài bờ biển hơn 1100km, có nhiều cảng biển, sân bay, nhiều khu công nghiệp... nên đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Logistics là một yêu cầu cấp bách và lâu dài.

Hai là, phát huy vai trò của Ban điều phối Vùng trong liên kết đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của các địa phương trong Vùng. Ban điều phối vùng

phải giúp các địa phương, các cơ sở đào tạo, dạy nghề trung ương đóng trên địa bàn Vùng thấy rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp liên kết đào tạo của Vùng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với Vùng để huy động các nguồn lực thực hiện liên kết đào tạo, trong đó cần chú trọng các nguồn lực quan trọng như: đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, cán bộ quản lý, điều hành liên kết đào tạo có kinh nghiệm, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống giáo trình, thư viện điện tử... Bên cạnh đó, cần có các cơ chế, chính sách nhằm phát triển thị trường lao động chung cho Vùng. Xây dựng hệ thống thông tin đầy đủ về thị trường lao động của Vùng gắn với thị trường lao động quốc gia để các cơ sở đào tạo, dạy nghề nắm bắt được thông tin qua đó điều chỉnh quy mô, ngành học, cấp học sát với nhu cầu xã hội.

Ba là, huy động các nguồn vốn phục vụ phát triển và liên kết đào tạo của Vùng. Thực tế cho thấy ngoài các yếu tố nêu trên thì nhu cầu vốn cho đào tạo nhân lực của Vùng là rất lớn và giữ vai trò quan trọng. Theo dự báo đến năm 2015, 2020 số trường đại học cao đẳng tăng trên 8- 10 trường, quy mô số sinh viên của Vùng đến năm 2015 tăng bình quân 14.000 người/năm, đến năm 2020 con số tương ứng là 30.000 người/năm; số giảng viên đến năm 2015 tăng bình quân 400 người/năm đến năm 2020, con số tương ứng là 600 người/năm. Điều này đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn để đầu tư cho các cơ sở đào tạo, dạy nghề. Bên cạnh nguồn vốn của địa phương và trung ương cấp, các địa phương trong vùng cần

phải thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, các chương trình, dự án, các nguồn tài trợ và liên kết, hợp tác với nước ngoài, chú trọng nguồn vốn đóng góp của các doanh nghiệp sử dụng lao động để nâng cao nguồn lực về vốn cho đào tạo nguồn nhân lực.

Bốn là, xây dựng quỹ đào tạo nghề và trung tâm giới thiệu việc làm của Vùng. Các cơ sở dạy nghề, nhất là dạy nghề rộng rãi cho thanh niên nông thôn, cần phải xây dựng quỹ hoạt động. Quỹ này được tài trợ từ các chương trình quốc gia, các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ... được sử dụng một cách có kế hoạch, được giám sát và triển khai trực tiếp đến người học nghề, cơ sở dạy nghề. Nhà nước cần có những quy định cụ thể, đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với các địa phương trong Vùng, nhờ đó đào tạo và liên kết đào tạo có hiệu quả. Bên cạnh đó, cần thành lập các “Trung tâm giới thiệu việc làm” làm đầu mối kết nối cung cầu lao động, thực hiện chức năng tư vấn, giới thiệu việc làm, đồng thời cung cấp thông tin, dự báo về nhu cầu thị trường lao động để định hướng cho các cơ sở đào tạo dạy nghề. Việc xây dựng các trung tâm giới thiệu việc làm ở các địa phương phải tổ chức thành mạng lưới liên thông, hình thành “chợ việc làm” trên mạng nhằm kết nối giữa nhu cầu của doanh nghiệp với đầu ra của cơ sở đào tạo và nhu cầu tìm việc của lao động trong vùng, qua đó việc liên kết đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Vùng đúng hướng và hiệu quả. □

Tài liệu tham khảo:

1. TS. Nguyễn Bá Ân. Tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong vùng để phát huy lợi thế cạnh tranh của 7 tỉnh DHMT. Kỷ yếu Hội thảo 4/2012
2. Liên kết phát triển các tỉnh DHMT. Nxb Đà Nẵng, 2012
3. TS. Trần Du Lịch và cộng sự. Liên kết đào tạo nguồn nhân lực các tỉnh DHMT Kỷ yếu Hội thảo 4/2012
4. GS.TSKH. Bùi Văn Ga. Liên kết đào tạo nhân lực chất lượng cao cho khu vực DHMT. Kỷ yếu Hội thảo 4/2012
5. PGS.TS. Đào Hữu Hòa. Liên kết trong chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp của các địa phương-Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng số 6 /2008
6. Colin Kirkpatrick, David Parker and Yin Fang Zhang, Foreign direct investment in infrastructure in developing countries, Transnational Corporations, Vol.15, No.1 (4.2006)